

DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP NGÀY 15/6/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
(Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 9 Nghị định 154/2025/NĐ-CP)

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Thời gian công tác ở vị trí việc làm khác có đóng lương		Thời điểm bắt đầu công tác ở chức danh Người hoạt động không chuyên trách theo ND 154	Tuổi nghỉ hưu		Tuổi nghỉ hưu theo ND 135		Các cơ chế danh người hoạt động không chuyên trách		Đóng BHXH ở các vị trí		Tổng thời gian công tác				Phụ cấp hàng tháng hiện hưởng	Tổng kinh phí thực hiện chính sách				Tổng cộng														
					Từ ngày, tháng, năm	Đến ngày, tháng, năm		Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Tổng số tháng	Làm tròn số năm		Số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Trợ cấp một lần	Trợ cấp một lần theo số năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm															
																							28=25+26+27																
	Tổng cộng																								1,378,915,200	409,090,500	110,916,000	1,898,921,700											
I	Có thời gian dưới 5 năm công tác																										167,544,000	28,606,500	28,782,000	224,932,500									
1	Lê Thị Hậu	Nữ	20/01/1993	Văn thư lưu trữ - thủ quỹ xã Quảng Giao (cũ)			9/2024	01/9/2025	32	7	62	1	0				1	0	12	1.00	2,106,000						20,217,600	3,159,000	6,318,000	29,694,600									
2	Lê Đức Duy	Nam	02/07/2022	Khuyến nông viên xã Đại Hùng (cũ)			01/2025	01/9/2025	3	1	62	0	0	8			0	8	8	1.00	2,574,000						16,473,600	3,861,000	7,722,000	28,056,600									
3	Lê Bá Hiếu	Nam	16/6/1991	Phó BCH Quận Sự xã Quảng Giao (cũ)			04/2023	01/9/2025	34	2	62	2	5				2	5	29	2.50	2,808,000						65,145,600	10,530,000	8,424,000	84,099,600									
4	Nguyễn Văn Tâm	Nam	20/9/1987	Phó BT đoàn TN xã Quảng Giao (cũ)			06/2022	01/9/2025	37	11	62	3	3	0	0		3	3	39	3.50	2,106,000						65,707,200	11,056,500	6,318,000	83,081,700									
II	Có thời gian công tác từ 5 năm trở lên, còn dưới 5 năm đến tuổi về hưu (theo ND135)																																		99,403,200	86,872,500	12,636,000	198,911,700	
1	Vũ Văn Hùng	Nam	10/2/1967	PCT Hội CCB xã Quảng Minh (cũ)			03/2017	01/9/2025	58	6	61	6	8	6			13	1	157	13.5	2,106,000						60,652,800	42,646,500	6,318,000	109,617,300									
2	Lê Bá Sơn	Nam	10/10/1965	Phó CT MTTQ xã Quảng Minh (cũ)			9/2011	01/9/2025	59	10	61	9	14	0			14	0	168	14.00	2,106,000						38,750,400	44,226,000	6,318,000	89,294,400									
III	Có thời gian công tác 5 năm trở lên, tuổi đời còn từ đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu																																			1,111,968,000	293,611,500	69,498,000	1,475,077,500
1	Nguyễn Thế Tinh	Nam	04/11/1989	Phó Chi huy trưởng quản sự xã Quảng Đại (cũ)			08/2017	01/9/2025	35	9	62	8	1				8	1	97	8.50	3,042,000							146,016,000	38,785,500	9,126,000	193,927,500								
2	Lê Văn Hà	Nam	15/7/1978	Cán bộ thú y xã Quảng Giao (cũ)			01/2016	01/9/2025	47	1	60	9	8				9	8	116	10.00	2,340,000							112,320,000	35,100,000	7,020,000	154,440,000								
3	Lâm Thị Tuyển	Nữ	26/12/1979	Phó CT hội phụ nữ xã Đại Hùng (cũ)			11/2016	01/9/2025	45	8	60	8	10				8	10	106	9.00	2,340,000							112,320,000	31,590,000	7,020,000	150,930,000								
4	Lê Thị Hương	Nữ	08/04/1979	Văn hóa - Xã hội - Tôn tin - Truyền thông xã Đại Hùng (cũ)			11/2018	01/9/2025	46	4	62	6	10				6	10	82	7.00	2,340,000							112,320,000	24,570,000	7,020,000	143,910,000								
5	Dư Thị Nga	Nữ	28/4/1983	Văn hóa - Xã hội - Tôn tin - Truyền thông phường Quảng Vinh (cũ)			01/2016	01/9/2025	42	4	62	9	8				9	8	116	10.00	3,042,000							146,016,000	45,630,000	9,126,000	200,772,000								
6	Lê Thị Nhung	Nữ	10/12/1990	Phó Chi huy trưởng quản sự xã Quảng Minh (cũ)			11/2017	01/9/2025	34	8	62	7	10				7	10	94	8.00	2,808,000							134,784,000	33,696,000	8,424,000	176,904,000								
7	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	10/5/1989	Phó chủ tịch UB MTTQ xã Đại Hùng (cũ)			06/2018	01/9/2025	36	3	60	7	3				7	3	87	7.50	2,340,000							112,320,000	26,325,000	7,020,000	145,665,000								
8	Bùi Thị Hương	Nữ	16/01/1987	Phó CT Hội nông dân xã Đại Hùng (cũ)			7/2020	01/9/2025	38	7	60	5	2				5	2	62	5.50	2,340,000							112,320,000	19,305,000	7,020,000	138,645,000								
9	Nguyễn Hữu Linh	Nam	05/09/1987	Nhân viên thú y xã Đại Hùng (cũ)			01/2016	01/09/2025	37	11	62	0	9	8			9	8	116	10.00	2,574,000							123,552,000	38,610,000	7,722,000	169,884,000								